

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

La doctrine coloniale de la France⁽¹⁾

(Une conférence de M. Albert Sarraut)

Cái chủ-nghĩa khai thuộc-địa của nước Pháp

(Một bài diễn-thuyết của quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư SARRAUT)

IV

La politique d'association

Mais il ne suffit pas de formuler des principes, si généreux soient-ils ; il faut descendre aux applications qui en découlent logiquement. Protéger, aider le plus faible, ai-je dit. Comment cela ? Et jusqu'ou vont cette protection, cette aide ? S'il s'agit de sa santé, de sa liberté, de ses biens, du produit de son travail, du soin de ses enfants, pas de difficulté. Cela va sans dire. Mais est-ce tout ? Est-ce tout ce que veut exprimer notre formule qui veut marquer surtout une ascension des races humaines vers une destinée plus haute ?

Regardons de près cette formule.

Le plus faible, dis-je, en parlant de l'indigène ; il l'est physiquement ; il l'est aussi intellectuellement. Mais quand je l'appelle ainsi, cela veut-il impliquer qu'il sera toujours le plus faible, l'être inférieur, condamné dès lors à une tutelle éternelle, à une éternelle sujétion sous un maître, un guide, ou un tuteur indéfiniment supérieur à lui ?

Ce serait reprendre, même avec une inspiration plus humaine et plus libérale, l'ancien dogme qui formait la pierre d'angle du vieux pacte colonial : l'infériorité de certaines races, à tout jamais.

Cái chính-sách hiệp-lực

Nhưng mà tuyên-bố những chủ-nghĩa dẫu quảng-dại đến đâu mặc lòng, cũng chưa đủ ; phải theo những chủ-nghĩa ấy mà thực-hành cho đến nơi mới được. Tôi nói rằng : nên bảo-hộ, nên giúp đỡ kẻ yếu hơn mình. Bảo-hộ, giúp đỡ thế nào ? đến đâu ? Nếu nói bảo-hộ giúp đỡ về sức khỏe, về quyền tự-do, về tài-sản, về công làm ăn, về sự chăm nuôi cho con-cái, thì không có khó gì. Cái đó đã cố-nhiên rồi. Nhưng có phải chỉ có thế mà thôi ư ? Cái câu ta nói đó, là chủ-ý nói muốn nâng cao cái trình-độ các dân-tộc lên, nghĩa câu ấy há chỉ có thế mà thôi ư ?

Ta hãy thử xét kỹ câu ấy xem thế nào.

Tôi nói người thổ-dân thuộc-địa là kẻ yếu kém mình ; yếu về thân-thể, yếu về trí-năng nữa. Nhưng nói thế có phải nghĩa rằng người yếu thì cứ yếu mãi, kẻ kém thì cứ kém mãi, chung-kiếp bị bảo-hộ, chung-kiếp phải phục-tòng một người chủ, một người thầy bao giờ cũng cứ hơn mình mãi không ?

Hiểu nghĩa như thế thì dẫu có ý khoan-dung quảng-dại hơn mặc lòng, cũng tức như là phục lại cái thuyết cũ làm gốc cho cái « ước thuộc-địa »⁽²⁾ khi xưa : là cho có giống người phải đời-đời kém hơn, không bao giờ tiến-hóa được.

(1) Voir N.-P. n° 75, 76, 77.

(2) « Ước thuộc-địa » (*pacte colonial*) là cái thuyết thuộc-địa phải đời đời phụ-thuộc với Mẫu-quốc, chỉ được giao-dịch với Mẫu-quốc mà thôi.

Or, nous n'y souscrivons pas.

La doctrine coloniale française n'admet pas cette incurable, cette irrémédiable infériorité de certaines races. Pas davantage d'ailleurs, à l'opposé, elle n'admet que l'égalité naturelle des races. Les deux conclusions, ou plutôt les deux thèses — qui toutes les deux ont leurs défenseurs — ont tort de cristalliser sur des contingences, de dogmatiser sur des faits d'une valeur ou d'une durée relative ou des *a priori* de dialectique.

Nous, nous partons de faits et de réalités positives. Si nous n'avons pas le préjugé de couleur, qui a été l'obstacle au succès de certaines politiques coloniales, nous constatons, partout, cependant, dans nos domaines coloniaux, comme dans ceux des autres nations, le fait indiscutable que certaines races sont en retard sur d'autres, qu'elles sont arriérées ; pour toutes sortes de causes où l'hérédité et les conditions physiologiques ont leur grande part ; mais nous constatons en même temps que, dans toutes ces multitudes humaines, en modifiant les conditions du milieu, les influences diverses ou les facteurs variés qui ont créé cet état de race constaté, il est possible, il est loisible de déterminer une évolution qui, plus ou moins rapidement, provoquera parmi ces multitudes, l'ascension d'individus de plus en plus nombreux vers un stade d'humanité supérieur. Et nous en recueillons, dès lors, le haut encouragement à poursuivre « à l'égard de plus faible » l'œuvre d'aide et de protection fraternelle qui est l'âme de la formule que j'énonçais tout à l'heure.

Cái thuyết đó, ta không có công-nhận rồi.

Chủ-nghĩa khai-thuộc-địa của nước Pháp không có chịu nhận rằng có giống người đời-đời phải kém hơn, không thể nào cứu-vớt được. Và cũng không trái lại mà công-nhận rằng giống người nào cũng là tự-nhiên bằng-đẳng nhau cả. Hai câu kết-luận đó, hay là hai cái lý-thuyết đó, — hai cái đều có người chủ-trì cả, — đều phải một cái tật, là kết-cấu bằng những lẽ đối-địch, lập-thuyết bằng những việc nhất-thời và chưa lấy gì làm đích-xác, hay là bằng những lẽ « dự-tướng » thuộc về lý-luận.

Chúng tôi thời chúng tôi lấy ngay sự thực, sự thực hiển-nhiên trước mắt. Tuy chúng tôi không có cái thiên-kiến về người dị-sắc, cái thiên-kiến ấy đã làm ngăn-trở cho nhiều cái chính-sách thuộc-địa không thành công được, song chúng tôi thường nhận trong khắp các thuộc-địa của chúng tôi và thuộc-địa các nước khác cũng vậy, thấy hiển-nhiên có nhiều giống người kém hơn, chậm hơn giống khác ; sự đó là bởi nhiều nguyên-nhân, và một phần lớn là bởi sự di-truyền và cách sinh-trưởng ; nhưng chúng tôi cũng lại nhận thấy rằng trong những nhân-quần đó, ví biến-dịch cái cách sinh-trưởng đi, biến-dịch những cái ảnh-hưởng hay là những cái nguyên-động-lực nó đã sinh ra cái trình-độ thấp-kém đó, thời có thể gây ra được một cái phong-trào tiến-hóa, sớm trưa có ngày khiến cho trong những nhân-quần ấy càng ngày càng thêm những kẻ có đủ tư-cách bước lên một trình-độ cao hơn. Nhân sự kinh-nghiệm đó mà chúng tôi lại càng thêm vui lòng hỏi-dạ đối với những dân-tộc kém mình theo đuổi cái công-nghiệp chế-chở giúp-đỡ như anh em với nhau, công-nghiệp đó là phần cốt-tử trong cái câu tôi vừa nói mới rồi.

Mais dans le moment même où nous affirmons ce principe de l'évolution possible de certaines des races vers un mieux intellectuel et moral, nous affirmons, par l'idée même d'évolution, l'impossibilité de conclure, dès à présent, à la réalisation de l'égalité politique et administrative.

Par là nous repoussons, énergiquement, l'adaptation aveugle à tous nos pays coloniaux, des formes sociales ou des modalités politiques au milieu desquelles nous avons nous-mêmes accoutumé de vivre. Nous repoussons les systèmes de naturalisation en masse, comme les systèmes de *self-government* ou de suffrage universel conféré collectivement aux populations indigènes. Ce serait la pire démence, où tombent parfois quelques raisonneurs absolus, que d'imposer à des races hétérogènes, dont les stades d'évolution sont au surplus infiniment différents, l'uniformité rigide des directions sociales et politiques auxquelles nous n'avons abouti qu'après de longs siècles d'expérience, d'études et d'éducation.

Etc'est ici surtout qu'il faut être attentif à ce qu'on dit et à ce qu'on projette, pour ne point commettre la grave erreur de confondre les apparences avec les réalités, et par exemple les résultats ostensibles de l'instruction avec ceux de l'éducation profonde des races.

C'est un point sur lequel il convient d'insister, car c'est là qu'est l'origine de beaucoup d'erreurs, en ce qui touche l'appréciation du délai qu'il faut, ou qu'il faudra, pour que certaines races en arrivent au degré de civilisation morale, de progrès moral, où en sont arrivés les pays tuteurs qui les gouvernent et dont elles auront encore très longtemps besoin ; et c'est ce que néglige le raisonnement des théoriciens assimilateurs qui se borne, pour conclure, à constater tels résultats de l'enseignement distribué aux indigènes.

Prenons des Noirs. Il y a trente ans, ou

Nhưng đã tuyên-bố rằng trong các giống người có giống có thể tiến-hóa lên được cái trình-độ về trí-thức, về tinh-thần cao hơn, thời trong cái nghĩa tiến-hóa ấy tức là có cái ý rằng hiện nay các giống người chưa được bằng-dẳng nhau và không thể đều cho các quyền-lợi về chính-trị được.

Như thế thời ta hết sức phản-đối cái cách mơ-hồ muốn đem những hình-thức chính-trị xã-hội của ta đã tập-quán xưa nay mà ứng-dụng ra khắp các thuộc-địa. Ta phản-đối những cách cho cả bàn - dân thuộc - địa nhập tây-tịch, những cách « tự-trị », những cách cho dân thuộc-địa được quyền « phổ-thông đầu-phiếu ». Đem những cái chủ-nghĩa về xã-hội, về chính-trị mà chính ta đã phải qua mấy mươi đời kinh-nghiệm, học-tập, dạy-dỗ mới tới được, dễ nhất - luật thi - hành cho những dân-độc-bác-tập, trình-độ tiến-hóa hãy còn cách xa nhau một vực một trời, thời thật là một sự cuồng quá.

Đến đây mới lại càng phải nên cẩn-thận lắm, cẩn-thận trong lời nói, cẩn-thận trong việc mưu-tính, để cho khỏi mắc phải cái lầm to lẫn cái bề ngoài với sự thực, như lẫn cái học-thức sán-lạn bề ngoài với sự giáo-dục thâm-trâm của các dân-tộc.

Đó là một điều phải nên nói kỹ, vì cái nguồn nhiều sự sai-lầm là ở đó, như trong khi đối với các dân-tộc mà ước-lượng cái thời-hạn phải qua mới tới được trình-độ văn-minh tiến-hóa về đường tinh-thần mà các dân cầm quyền bảo-hộ đã tới được rồi, sự bảo-hộ ấy những dân-tộc kia còn phải cần đến lâu nữa ; điều đó thời các nhà lý-luận về phái đồng-hóa thường không xét tới, cứ lấy một vài cái kết-quả trông thấy của sự dạy học người thổ-dân để làm bằng mà kết-luận mà thôi.

Ta hãy thử xét về giống Da Đen,

cinquante, ils vivaient dans la barbarie, dans l'habitude des sacrifices humains ou de l'anthropophagie ; ils avaient une âme ainsi façonnée dans les ténèbres et les horreurs d'une longue hérédité. Nous arrivons ; nous améliorons le milieu ; nous mettons fin à certaines pratiques ; nous instruisons les indigènes ; nous travaillons leur appareil mémotechnique et nous parvenons à les rendre capables d'un savoir plus ou moins étendu, qui peut faire illusion sur la profondeur de leur transformation morale. Fort bien !

Est-ce à dire que cette instruction extérieure apparente, soit le reflet exact et fidèle d'une conscience entièrement renouée, libérée des affluences séculaires, et qu'en serre chaude, pour ainsi dire, par un travail rapide de forçerie, nous ayons fait des créatures absolument nouvelles ? Et qu'ainsi, en quelques lustres ayant franchi à pas de géant la distance qui les séparait de nous, ils soient à égalité avec nous, portant en eux la même clarté intérieure, la même âme ?

Erreur profonde. C'est ici surtout qu'il est vrai de répéter : *Natura non facit saltus*. Notre supériorité morale de tuteurs est l'effet d'un long espace de temps et d'un immense effort de préparation. Pour en arriver à notre âme actuelle, à nous blancs, il nous a fallu des siècles et des siècles. Héritiers déjà d'une haute tradition de culture, de justice et de beauté, la tradition gréco-latine, qui a imprégné tout notre atavisme, héritiers aussi d'un idéalisme religieux et philosophique de bonté, d'humanité, de souci de la conscience, nous avons ajouté à ces legs tous les apports successifs des grands siècles de pensée, de science, de découvertes, de facultés critiques qui ont rayonné sur nous ; le XVI^e siècle, celui de

Cách ba mươi năm-mười năm nay, những giống ấy bầy còn trong vòng dã-man, hãy còn thói quen ăn thịt người hay làm thịt người để cúng thần ; tâm-hồn đã bị mấy mươi đời di-truyền ở trong vòng tối-tăm ghê-gớm. Kịp đến khi ta đến nơi ; ta cải-lương cái hoàn-cảnh ấy đi ; ta bắt bỏ nhiều những cái ác-tục ấy đi ; ta dạy học cho người thổ-dân ; ta luyện cái máy ký-ức cho họ, khiến cho có thể thâu-nạp được một cái học-thức cũng khá rộng, làm cho người không biết ngờ rằng trong tâm-tri đã biến-đổi hẳn. Được lắm !

Nay cái học bề ngoài, cái học ngoài mặt đó, có phải là hình-ảnh chân-chính của một cái tâm-tính đã đổi mới hẳn, đã thoát-li được những cái ảnh-hưởng của trước không ? và ta dùng cách cấp-tốc như thế, khác nào như trồng cây trong ôn-thất, có quả đã tạo-thành ra được những con người thật mới không ? Có phải rằng bọn đó chỉ trong khoảng mấy chục năm mà đã bước gấp được cái quãng đường dài nó cách họ với ta, và bây giờ đã ngang bằng ta rồi, trong lòng cũng mang một cái tia sáng, một cái linh-hồn như ta không ?

Nghĩ như thế thì lầm to. Nhất là đây lại càng phải nhớ câu cổ-ngữ La-mã : « Tạo-vật không có bước nhảy bao giờ ». Ta sở-dĩ hơn họ về đường tinh-thần và đáng bảo-hộ cho họ là cũng đã phải qua lâu đời lắm và phải nhiều công-phụ khó-nhọc lắm mới được. Cho được có cái hồn-tinh như bây giờ, giống da trắng ta đã phải qua thế-kỷ ấy sang thế-kỷ khác. Ta đã được kế-thừa một cái đạo-thống cao-siêu, đạo văn-hóa, đạo công-nghĩa, đạo mĩ-thuật, tức là đạo-thống Hi-lạp La-mã ngày xưa nó thấm-nhuần cả cái óc di-truyền của ta, lại kế-thừa một cái chủ-nghĩa duy-tâm thuộc về tôn-giáo, về triết-học, lấy sự từ-thiện, nhân-đạo,

la Renaissance ; le grand XVII^e siècle ; le XVIII^e siècle, celui des Encyclopédistes ; le XIX^e, celui des découvertes ; le XX^e siècle, celui des miracles scientifiques. Notre âme nationale a été lentement façonnée, modelée, imprégnée, baignée par ces influences et ces clartés ; par une sorte de capillarité, cette immense richesse morale s'est répandue à travers toute la race ; nous représentons ainsi une hérédité toujours en voie de liberté, une hérédité de lumière, qui se porte précisément au secours d'une hérédité de stagnation et de ténèbres. Et voilà l'essence même, la caractéristique, la raison d'être de la supériorité en vertu de laquelle nous avons droit de tutelle, d'autorité bienfaitrice, sur ceux que depuis de longs siècles nous avons distancés sur les routes du progrès humain.

D'où il suit que nous ne pouvons pas, sans erreur profonde, et sans risques mortels pour elles-mêmes, appliquer *de plano* à des races hier encore si arriérées, des formes de vie sociale ou politique auxquelles nous ne sommes arrivés nous-mêmes qu'après un long et douloureux effort, rempli de tâtonnements, de difficultés, de réactions et d'épreuves ; et notre devoir n'est pas, en abdiquant notre pouvoir entre leurs mains débiles ou inexpérimentées, d'imposer les mêmes épreuves et les mêmes difficultés à nos protégés, par le don prématuré de libertés dont ils ne sauraient se servir ; notre devoir est au contraire de leur éviter le tourment et la douleur des expériences par lesquelles nous avons dû passer avant d'atteindre notre stade actuel de civilisation et de vie sociale.

Notre gouvernement indigène ne saurait, d'autre part, sans obscurité comme sans danger, bouleverser chez eux des traditions sécu-

lương-tâm làm gốc ; đó là cái hương-hỏa của cõ-nhân để lại cho ta, mà về phần ta lại thêm của riêng của mấy thế-kỷ lớn-lao đã gia-công tư-trưởng, cách-trị, phát-minh, phê-phán mà ảnh-hưởng đến ta : thế-kỷ thứ 16 là đời Cõ-học Phục-hưng ; thế-kỷ thứ 17 là đời văn-hóa toàn-thịnh ; thế-kỷ thứ 18 là đời bách-khoa bác-sĩ ; thế-kỷ thứ 19 là đời phát-minh thám-hiêm ; thế-kỷ thứ 20 là đời khoa-học tân-kỳ. Quốc-hồn của ta đã dần dần nung-dúc, tâm-thẩm bằng những cái ảnh - hưởng, bằng những cái ánh sáng đó ; rồi cái tinh-t túy ấy truyền-thấm ra khắp cả dân-tộc. Ta là tiêu-biểu cho một cái « di-truyền » bao giờ cũng tự-do hoạt-động, một cái « di-truyền » sáng-sủa, chính nó đến cứu cho một cái « di-truyền » tối-tăm tù-hãm. Ấy cái cốt-tử, cái đặc-sắc, cái lý-do của sự ta hơn họ là ở đó, và vì ta hơn họ như thế, nên ta có cái quyền bảo-hộ, cái quyền làm ơn cho những dân trong mấy mươi đời đã bị kém ta trên con đường tiến-hóa của loài người.

Cứ suy đó ra thì ta không thể nhất-đán đem những cái hình-thức siu-hoạt về xã-hội, về chính-trị mà chính ta đã phải qua nhiều nỗi nhọc-nhắn, khó-khăn, gian-truân, nguy-hiêm mới tới được, để ứng-dụng ngay cho các dân-tộc còn kém ấy được, làm như thế thì làm to và cũng hại to cho những dân-tộc ấy nữa ; nghĩa - vụ của ta không phải là bỏ quyền ta mà trao vào tay họ hãy còn yếu-ớt vụng-dại, công-hiến cho họ những cái quyền tự-do họ chưa biết dùng mà bắt họ cũng phải qua những nỗi gian-nan hiểm-nghèo như ta đâu ; nghĩa-vụ của ta lại là trái lại, phải giúp cho họ tránh khỏi cái gian-truân những sự từng-trải mà ta đã phải qua, trước khi tới cái trình-độ văn-minh xã-hội như ngày nay.

Về một phương-diện khác, phép chính-trị của ta đối với các dân thuộc-địa cũng không thể làm cho điên-đảo

laires pour leur substituer d'un coup de mauvaises copies de nos constitutions, et l'urne électorale ne saurait être le dernier mot ou le symbole suprême des bienfaits qu'elle veut produire. Le libéralisme et la prévoyance de notre politique indigène doivent savoir adapter à des milieux dissemblables l'application diverse et la pratique intelligente d'un même sentiment fraternel d'humanité, par lequel nous délibérons de progressivement conduire vers un avenir plus haut les associés, les parents plus jeunes dont nous avons assumé la tutelle. Et cette politique idéaliste et réaliste, à la fois, trouve d'abord son expression concrète dans trois grandes œuvres qui sont comme des piliers puissants de son architecture ; l'assistance médicale, qui, en défendant leur santé et leur vie, augmente le nombre et la force utile de nos protégés ; la justice, qui en leur apportant les garanties formelles de leur droits, nous donne en retour celles de leur loyalisme ; l'instruction qui, en éclairant leurs cerveaux, les fait plus conscients de la gratitude qu'ils nous doivent et mieux capables de collaborer avec nous pour la bonne action et l'exploitation du patrimoine commun.

En leur donnant avant l'heure des droits et des libertés dont elles ne sauraient pas se servir, nous rejeterions les races indigènes dans l'anarchie d'où nous les avons tirées.

Et ceci n'est pas un artifice pour prolonger notre domination, ou pour retarder le plus longtemps possible l'octroi de franchises ou de libertés, susceptibles d'affaiblir notre pouvoir.

Nul ne peut le prétendre, car nous ne limitons pas le point d'ascension où nos protégés peuvent atteindre et toute notre

những cái lẽ-thối đã mấy mươi đời của họ để nhất-dân đem những cái phóng nhèm của hiến-pháp ta mà thả vào, và cái hộp dầu-phiếu không phải là cái cứu-cánh-yếu-quyết hay là cái tuyệt-phẩm-tiêu-biểu những sự tốt-lành muốn thi cho dân. Chính-sách của ta đối với thuộc-địa vừa rộng-rãi và vừa cẩn-thận, cũng một tấm lòng nhân-ái mà tùy cái hoàn-cảnh mỗi nơi phải biết thi-hà ứng-dụng một cách khác, vì lòng nhân-ái đó mà ta sắp-định muốn dần-dần diu-dắt những kẻ đã cùng ta hiệp-lực, ví như những người họ-hang còn trẻ dại mà ta đã đương lấy cái trách bảo-hộ, tới một cái cảnh tương-lai tốt đẹp hơn. Cái chính-sách đó vừa trọng lý-tưởng, vừa trọng sự thực, trước hết phát-biểu ra ba cái sự-nghiệp lớn như ba cái cột trụ trong cái lâu-dài chính-trị đó : một là việc y-tế để giữ sinh-mệnh và sức khỏe cho các dân bảo-hộ của ta, mà làm cho thêm số người, tăng sức mạnh làm ầu lên ; hai là việc tư-pháp, đem pháp-luật để bênh-giữ quyền-lợi cho họ một cách phân-minh, khiến họ đối lại với mình cũng hết lòng trung-thành ; ba là việc học để mở-mang tri-não cho họ, khiến cho biết rõ cái ơn họ phải chịu ta và cho có đủ tư-cách hơn để hiệp-lực với ta làm những công việc hay và kinh-lý cái tài-sản chung.

Nay chưa đến lúc, ta đã vội cho các dân bản-xứ những quyền-lợi tự-do mà họ không biết dùng, thời tức là đã cứu-vớt người ta ra ngoài cái vòng họa-loạn mà nay lại xô-đẩy vào chỗ cũ vậy.

Đó không phải là cái mưu để làm cho quyền cai-trị của ta được lâu dài ra đâu, hay là cố-ý để chậm đến ngày phải ban cho họ những quyền tự-do có thể làm giảm bớt quyền-lực của ta đâu.

Không ai trách ta thể được, vì ta không có hạn-định cho các thuộc-dân ta tới được đến đâu là cùng, và cả

politique démontre que nous ne cherchons qu'à les associer à nous dans le partage des responsabilités de la gestion. Nous l'avons nettement démontré ; les programmes d'instruction par lesquels nous délibérons de former les élites indigènes capables de collaborer avec nous n'hésitent pas à fournir à tout être la preuve de ces capacités, ont formellement sélectionné les facultés d'accès aux domaines supérieurs de la science et au plein épanouissement de la personnalité. Nous avons largement ouvert les cadres administratifs, les emplois publics, aux auxiliaires indigènes. Nous avons multiplié les organismes représentatifs dans lesquels les populations peuvent, par leurs délégués, faire entendre leur voix et s'unir à nous pour administrer le patrimoine commun. Nous sommes disposés, à mesure que le progrès de la mentalité générale le permettra, à développer ces institutions et à élargir le champ de leurs attributions. Mais encore faut-il que cela profite aux intérêts de nos protégés comme aussi à l'intérêt général de l'humanité qui bénéficiera de leur saine évolution et pâtirait de leur régression vers le désordre ; nous avons fait des expériences qui toutes n'ont pas été heureuses parce qu'elles étaient prématurées, notamment en matière de suffrage ; pourquoi ne pas utiliser la leçon qui s'en dégage ?

La sagesse en cette matière est de ne point procéder selon des systèmes rigide-ment uniformes, d'après un dogme fallacieux d'assimilation. Il faut tenir compte des différences des milieux et des races. Les Noirs eux-mêmes ne peuvent tous être traités de même sorte, et l'on ne saurait davantage les assimiler aux Asiatiques. Avant, au surplus, de donner des droits généralisés à la masse, et afin même de pouvoir un jour les

cách chi-~~an~~-trị của ta chứng rõ rằng ta chỉ tìm phương đề-huê với họ đề cùng nhau chia cái trách-nhiệm quản-lý chung. Ta đã chứng một cách rõ-ràng rồi ; ta đặt ra những chương-trình dạy học là rắp định gây lầy trong các thuộc-dân những hạng thượng-lưu trí-thức có đủ tư-cách giúp việc với ta, không có ngại đề cho họ được trở tài trở trí ra, đã công-nhiên lựa chọn cho họ có đủ tư-cách mà tới được những bậc cao-đẳng trong cõi khoa-học, tới được cái nơi nhân-cách có thể phát-siễn ra hoàn-toàn. Ta đã mở rộng các ngạch quan-lại, các ngạch công-chức cho những người bản-xứ giúp việc ta. Ta đã đặt nhiều những hội-nghị cho các dân bản-xứ cử người đại-biêu đề thay mình mà bàn-bạc nói-năng cùng hợp-lực với ta mà quản-trị cái tài-sản chung. Hễ dân-trí mở-mang được đến đâu thời ta sẵn lòng mở rộng các hội-nghị ấy và tăng thêm những chức-quyền cho họ. Nhưng mà có muốn tăng thêm mở rộng cũng phải thế nào cho thật ích-lợi cho các thuộc-dân ta, thật ích-lợi chung cho cả loài người nữa, mà các thuộc-dân ta có tuần-tự tiến-hóa thời loài người mới có lợi, chứ nếu lại thoái-hóa mà thành ra hỗn-loạn thì lại thiệt-hại cho nhân-loại lắm ; ta đã từng thí-nghiệm nhiều lần, không phải là lần nào cũng kết-quả mỹ-mãn cả, vì rằng làm khí sớm, nhất là về khoản đầu-phiếu ; cái bài học đó, sao ta lại không biết lợi-dụng ?

Sự khôn-ngoan trong việc này là không nên thi-thố theo những cái lý-thuyết nhất-dịnh, theo một cái chủ-nghĩa đồng-hóa hão-huỵển. Phải biết chám-chước những cái dị-điểm về các xứ-sở, các giống người. Ngay trong giống Da-đen cũng không nên dãi như nhau hết cả, và dãi các giống ở Á-châu như giống Da đen thì lại không nên lắm nữa. Và lại trước khi ban những quyền-lợi phổ-thông cho khắp cả công-

leur conférer utilement, nous devons d'abord travailler à la formation des élites.

Sachons doser la politique d'association, dans le respect des traités qui l'ont prévue ou l'utilisation des autorités locales qui la facilitent. Sachons mesurer les étapes du progrès. L'essentiel est que nous soyons loyaux dans nos intentions, qu'on le sache bien, et que nous persistions dans notre dessein libéral, même si nous devons y courir quelques risques et sans rechercher, à cause de ces risques, à éluder les devoirs que nous trace notre conscience.

Car c'est à la fois le propre et l'honneur de la civilisation, spécialement de la civilisation occidentale, de se créer à elle-même ces risques ou des difficultés pour l'avenir. Les tuteurs civilisés travaillent quelquefois contre eux s'ils envisagent le point de vue étroit de leur autorité ; mais en fin de compte, ils travaillent quand même pour la meilleure humanité.

Il y a des exemples significatifs. On parle parfois des craintes que peut évoquer l'expansion d'une race dont la grande prolifération est connue. Ce péril, s'il en est un, qui donc l'a créé, sinon nous, les blancs ? L'abondance de la population jaune, par la protection de sa natalité, c'est le résultat de notre œuvre d'assistance médicale, de nos enseignements d'hygiène ; le surcroît d'êtres humains qui en résulte appelle dans ces races la recherche de nouveaux territoires. Cela peut être pour nous, ou pour d'autres, dans l'avenir, une source de difficultés. Mais qui donc songerait à regretter ce que nous avons fait et à déplorer le développement d'un capital humain qui est un enrichissement pour l'humanité ?

chúng, và chính là để cho có một ngày có thể ban được đích-đáng hơn, thời thứ nhất là phải gây lấy những bọn thượng-lưu tri-thức đã.

Ta phải biết điều-độ cái chính-sách hiệp-lực cộng-tác theo như những điều-trước đã dự-định và lợi-dụng các thô-quan để giúp cho dễ việc. Ta phải biết đo-lường cái trình-độ tiến-hóa. Cốt nhất là ta phải lòng thành ý thẳng, và phải cho thiên-hạ biết thể cho ta, rồi ta cứ vững lòng mà theo đuổi cái chính-sách khoan-dung của ta, dù có phải gặp chút nguy-hiểm cũng mặc lòng, và đừng có vì sự nguy-hiểm ấy mà tìm đường tránh những cái nghĩa-vụ lương-tâm ta bắt phải làm.

Vì cái đặc-sắc, cái danh-dự của văn-minh, nhất là văn-minh của Thái-Tây, là tự mình lại bày cho mình những sự nguy-hiểm, sự khó-khăn cho sau này. Người nước văn-minh đi bảo-hộ ở các nơi, nếu chỉ xét cái phương-diện nhỏ-hẹp về quyền-lực của mình, thời có khi lại tự mình làm trái cái lợi của mình ; nhưng mà xét cho cùng chính là giúp cho nhân-loại ngày một tốt đẹp thêm lên.

Đã có chứng-cớ hiển-nhiên đó. Có người sợ rằng có một giống người kia sức hành-trưởng mạnh quá có khi nguy-hiểm cho ta. Nếu có nguy-hiểm thật, thì sự nguy-hiểm ấy không phải tự ta tạo-nhân thì ai ? Giống da vàng dân-số mỗi ngày một nhiều vì biết giữ gìn sự sinh-sản, đó là cái kết-quả của cái công-y-tế, công-khuyến dạy vệ-sinh của ta ; dân-số càng tăng lên thì các dân-tộc ấy càng phải đi tìm kiếm những lĩnh-thổ mới. Đó có lẽ là cái nguồn những sự khó-khăn cho ta hay cho kẻ khác về sau này. Nhưng mà ai là người lại tiếc cái công của ta đã làm, tiếc cái « tư-bản bằng người » kia đã được tăng-tiến lên để thêm giàu cho nhân-loại ?

Faut-il de même, avec certains esprits pessimistes, ou tout au moins timorés, envisager que l'effet du progrès, du libéralisme de notre politique, de l'assimilation progressive des races indigènes à notre action, de l'ensemble en un mot des gestes de civilisation que nous accomplirons ait nécessairement pour conséquence la fatalité des « sécessions » entre la Métropole et celles de ses colonies parvenues à un certain développement ? Il y a deux siècles, Turgot, en France, exprimait cette idée dans une formule imagée : « Les colonies sont semblables aux fruits qui ne tiennent à l'arbre que jusqu'à leur maturité. » Et, il est vrai, en effet, que le fruit tombé de l'arbre peut donner naissance à un autre arbre, indépendant du premier. Mais il est tout aussi vrai que le même fruit, détaché du rameau qui l'a nourri, peut n'avoir d'autre destin que celui d'une décomposition stérile ou d'une tentation offerte à la convoitise d'un autre passant : et ce sont là deux éventualités que nos indigènes n'oublient pas d'entrevoir avec un bon sens qui, pour ma part, m'a rassuré sur la menace de séparations. Outre qu'il s'écoulera beaucoup de temps encore avant que l'évolution des pays coloniaux puisse favoriser des vellétés de sécession qui trouveraient au surplus le plus dur obstacle dans la composition hétérogène des agrégats composites de nos grandes possessions, j'estime pour ma part — et j'ai pour parler ainsi les raisons d'une assez longue expérience — qu'il faut faire plus de confiance à l'instinct ou à l'intelligence des hommes que nous gouvernons. Loin de désirer l'indépendance, les plus avisés d'entre eux, ceux-là mêmes qui pourraient être les guides du mouvement, appréhendent les effets d'une séparation qui, enlevant à leur pays

Hay là có nên bắt-chước những kẻ bi-quan kia, những kẻ dút-dát kia, sợ rằng cái kết-quả của sự tiến-bộ, của cái chính-sách khoan-hồng của ta, của sự đồng-hóa dần dần trong các dân-tộc chịu ảnh-hưởng ta, nói tóm lại là cái kết-quả những sự văn-minh-hành-động của ta làm ngày nay, tất có ngày đến khiến cho những thuộc-địa đã tiến-hóa kha-khả không khỏi sinh lòng phân-lia với Mẫu-quốc ? Đã hai thế-kỷ nay, ông Thượng-thư TURGOT ở nước Pháp đã tả cái ý ấy bằng một câu bóng-bày như sau này : « Thuộc-địa cũng giống như cái quả ở trên cây, chỉ liền với cây cho đến ngày quả chín mà thôi. » Mà thật thế, quả ở trên cây rụng xuống có thể sinh ra một cây khác, độc-lập với cây trước. Nhưng mà cũng có lẽ cái quả ấy, dời cái cành đã nuôi sống mình, số - phận chỉ đến thối - nát ra, hay là chỉ giục cái lòng tham của một kẻ khác qua đường nạo đó. Hai cái cành, ngẫu-nhĩ đó, những người thổ-dân ở các thuộc-địa ta không phải là không biết nghĩ đến, vì họ cũng biết điều lắm, và về phần riêng tội thì sự biết điều đó làm cho tội yên tâm, không sợ gì những nổi nguy-hiểm phân-lia. Không những rằng còn phải nhiều thời-giờ nữa mới đến ngày các dân thuộc-địa đã tiến-hóa đến bậc đủ sức mà mưu sự phân-lia với ta, mưu ấy cũng khó lòng thành được, vì những dân ở các thuộc-địa lớn của ta thường bác-tạp nhiều giống khác nhau ; không những thế mà về phần riêng tôi, tôi thiết-trưởng rằng ta cũng nên tin ở cái trí tự-nhiên hay sự khôn-ngoan của các dân trị-hạ ta, và tôi nói như thế là tôi đã kinh-nghiệm cũng khá nhiều mới dám nói. Những kẻ thông-hiểu trong bọn đó, những kẻ có thể đứng lên mà chủ-trương cái phong - trào được, lại không những không ước-ao sự độc-lập, mà sợ rằng phân-lia ra

l'armature de force, de défense, de progrès créée par la nation protectrice, l'exposerait aux désagréments du désordre et de la régression.

Ils savent aussi, au point de vue de l'organisation et de la vie intérieure du pays, l'impuissance où ce dernier se trouverait de régir et d'administrer, par les seules facultés de sa race, les territoires où les nécessités de la vie moderne font surgir une complexité de problèmes qu'on ne peut résoudre qu'avec l'aide d'une expérience et d'une science longuement mûries. L'aptitude à gouverner, la capacité d'administrer les vastes et multiples intérêts des groupements coloniaux, d'assurer le fonctionnement régulier des organes compliqués des grands services publics, tout cela ne s'improvise pas d'un coup et par la vertu magique du mot « indépendance ». Et si d'aventure, par une fatalité imprévisible du destin, telles colonies, soudainement échappées à notre tutelle, se confiaient aux mains de gouvernements autochtones improvisés, ce serait bientôt l'incohérence, l'anarchie, la révolte, le déchirement de tout le pays et le retour aux servitudes dont notre tutelle a précisément libéré ces races.

Dira-t-on qu'il s'agit là d'un jeu de dialectique ? La preuve, heureusement, est faite. Pendant une longue guerre qui offrait aux essais d'indépendance une occasion sans pareille, le loyalisme de nos pays indigènes ne s'est pas un instant démenti. Ils ont donné à la France au combat près d'un million de volontaires indigènes. Ils ont eux-mêmes fourni à la souveraineté française, avec un moyen de victoire, un moyen

thời làm cho nước mình như mã, cái thiết-giáp chắc-chắn của nước bảo-hộ đặt để giữ-gìn cho mình, mà đến phải tan-nát, loạn-lạc, thoái-hóa chứ không tiến-hóa nữa.

Những kẻ đó cũng biết rằng về đường tổ-chức, đường sinh-hoạt trong nội-địa nước mình, cứ một cái năng-lực của giống mình cũng không đủ mà kinh-doanh quản-lý được những cõi đất mà sự cần-dùng trong cách sinh-hoạt đời nay đã sinh ra vô-số những vấn-đề phiền-phức, phải có kinh-nghiệm, phải có học-hành cho lâu cho chín lăm mới có thể giải-quyết được. Cái tư-cách thống-trị, cai-quản những lợi-quyền lớn-lao và phiền-phức của các thuộc-địa, khiến cho các cái then-máy của các công cuộc chung chạy được đều-đặn, cái đó không phải là nhất-dán nặn ngay ra được, mà cũng không phải là cứ đọc chữ « độc-lập » như câu thần-trú mà tự-khắc nó nẩy ra ngay. Vì vạn-nhất, bởi một sự ngẫu-nhiên không thể biết trước được, có cái thuộc-địa nào vụt-chốc thoát-li quyền bảo-hộ của ta mà phó-thác vào tay những chính-phủ của người bản-dân lâm-thời lập lên, thời chẳng bao lâu tất đến rối-loạn tan-tác, phản-đối nhau, giết lẫn nhau, mà nước lại quay về cái thói nô lệ cũ mà chính quyền bảo-hộ của ta đã giải-thoát được cho các dân-tộc ấy.

Hoặc có kẻ bảo nói thế là một cách nguy-biện chơi chẵn ? Nhưng may đã có chứng-cớ hiển-nhiên đó. Trong cuộc chiến-tranh lâu dai vừa rồi, thật là một dịp vô-song để cho các dân thuộc-địa mưu sự độc-lập, thế mà lòng trung-thành của họ không hề sai một chút nào. Lại từng giúp cho nước Pháp ngót một triệu nghĩa-binh để đánh trận. Tức là giúp cho nước Pháp được thắng trận và nhân được

d'affermir par elle, son autorité sur les races en tutelle.

Dès lors, comment ne pas faire confiance, pour l'avenir, au sentiment lucide qui leur fait rechercher dans cette autorité, la sécurité même de leurs destins et l'espérance de l'avenir meilleur ?

Est-ce à dire que retombant à notre tour dans l'erreur des conclusions absolues reprochées tout à l'heure à d'autres, nous prétendions encercler d'un mur infranchissable les mouvements indéfinis de l'avenir et figer ses transformations dans un cadre dès à présent immuable ? On ne déchiffre pas ainsi l'immense énigme des temps futurs. Raisonnant dans le relatif des jours présents et prochains, nous donnons les raisons plausibles pour lesquelles l'éventualité des sécessions coloniales nous paraît devoir être écartée, du moins pour un très long temps. Nos petits-neveux eux-mêmes se trouveront-ils un jour en face du problème ? Verront-ils alors certaines de nos possessions évoluer, à l'exemple de telles colonies d'autres pays, vers la forme de ces *dominions* émancipés que rattache toujours d'ailleurs à la mère-patrie la survivance d'un lien familial singulièrement robuste ? Ou bien même, car il faut aller jusqu'au bout des hypothèses, verront-ils, dans la liberté du *self-gouvernement* intégral, les colonies filiales de jadis reprendre leur liberté à l'égard de la Métropole ?

thăng trợn lại càng thêm củng-cố cái quyền bảo-hộ của mình đối với các thuộc-dân vậy.

Họ đã có cái lòng sáng-suốt biết tìm kẻ có quyền để làm chỗ nương-tựa cho cái số-phận sau này được khá hơn, thời há ta lại không nên tin ở cái lòng ấy hay sao ?

Nói thế có phải là ý rằng ta cũng làm như những kẻ ta vừa trách lúc nãy mà muốn kết-luận một cách tuyệt-đối, đem một cái trường-thành trăm nghìn nhận mà vây lấy những sự hoạt-động sau này, khiến cho chỉ được biến-hóa trong một cái phạm-vi đã định sẵn từ giờ không ? Người ta không thể đoán trước được cái đại-bí-quyết của tương-lai. Ta bàn đây là bàn trong cõi tương-đối mà thôi, trong khoảng ngày nay và ngày cận-tiếp sau này mà thôi, ta kể những cái lẽ chắc-chắn sở-dĩ làm sao mà ta cho rằng còn lâu nữa chưa phải sợ cái cơ-hội thuộc-địa phâu-lia với Mâu-quốc. Đến đời cháu ta nữa đã chắc rằng phải giải-quyết cái vấn-đề ấy chưa ? Đời cháu ta có trông thấy thuộc-địa của ta tiến-hóa theo như thuộc-địa của mấy nước kia, thành những cõi đất tự-trị, nhưng vẫn có cái giây liên-lạc với Mâu-quốc rất bền - chặt không ? Hay là, — vì đã dự-tưởng thời phải dự-tưởng cho đến cùng, — sẽ trông thấy các thuộc-địa trước liền với Mâu-quốc như con-cái nhà, sau hoàn-toàn độc-lập, khôi-phục được quyền tự-do đối với Mâu-quốc ?

S'il devait vraiment en être ainsi, oui, même s'il doit jamais en être ainsi, ce ne serait point une raison, pour nous Français, d'attédir, dès à présent l'ardeur des hauts devoirs que nous trace notre mission vis-à-vis des pays dont l'avenir nous est confié. Ce serait au contraire une raison d'en redoubler le zèle ; et s'il est une nation où le sentiment que j'exprime en ce moment puisse être compris mieux que partout ailleurs, c'est bien cette Belgique héroïque et martyre où le sens sublime de l'honneur, de l'honneur qui est plus que tout, plus que la vie, que le bien-être, que la richesse, que la sécurité, a suscité, pour la gloire même de l'humanité tout entière, l'immortel éclat de la plus haute leçon que le monde ait jamais reçue.

(à suivre)

ALBERT SARRAUT

Ừ, túng-sử có đến thế thật, và dù có phải đến thế thật nữa thì cũng không phải là một cái lẽ cho người Pháp chúng tôi để cho nguội lạnh cái lòng háng-hải về những nghĩa-vụ cao mà cái thiên-chức bảo-hộ của chúng tôi chỉ định cho chúng tôi đối với những nước đã phó thác vận-mệnh tương-lai cho chúng tôi. Trái lại, lại là một cái lẽ phải nên siêng-cần gấp đôi lên ; trong thế-giới vì có một nước hiểu được cái bụng tôi nói bây giờ đó hơn cả các nước khác, thời chắc là nước Tỉ này, nước Tỉ oanh-liệt này, đã chịu hi-sinh cho cái lòng danh-dự, cái lòng danh-dự tối-cao, cao hơn hết-thảy, hơn cả sinh-mệnh, hơn cả sự sung-sướng, hơn cả của-cải, hơn cả sự yên-ổn, lòng danh-dự ấy đã bày ra cho thế-giới một cái bài học rất rục-rỡ, rất cao-thượng, xưa nay chưa từng được biết bao giờ, thật là vẽ-vàng cho cả nhân-loại vậy.

(Còn nữa)

Cải - chính

Bài « Khảo về tường hát » đăng ở bản-chí số 76 về trang 306, cột thứ 1, dòng thứ 21, 22, câu : *nhất song phụng giản* đọc là : *phụng nhãn* 鳳眼 mới đúng. (Tiếng đường trong hay lẫn vần *nh* với vần *gi*).

Trang 307, cột thứ 1, dòng thứ 7, chữ : *Lục quân cung*, chưa chữ hán là : 六鈞弓, như thế mới đúng. — Hai chỗ chưa làm ấy làm cho câu văn « bất-thông » và « vô-nghĩa », báo *Hữu-thanh* đã có bụng tốt chỉ trích cho biết và cải-chính hộ cho ; bản-chí xin có lời cảm ơn cái thịnh-tình nhā-y của các ngài biên-tập báo ấy. Xem thế thì biết những bài đăng trong bản-chí các ngài đã có bụng yêu dụng-công đọc kỹ lắm. Về phần bản-chí-đồng-nhân thì xin thú thật rằng những bài của qui-tạp-chí *Hữu-thanh* thật không bao giờ có thể đọc được kỹ như thế.

Bài Tiểu-thuyết « Tuyết-hồng-lệ-sử » ở bản-chí số 77, trang 426, cột thứ nhất, dòng thứ 5, xin đọc là : « yêu hương *xin kin* mỗi tình cho hoa », chứ không phải là « yêu hương *thi mễn...* »